

Các yếu tố tác động đến Quản lý dạy học âm nhạc ở các trường tiểu học đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Lý Thanh Hiền

Khoa Tâm Lý - Giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội 2

Received: 9/5/2024; Accepted: 16/5/2024; Published: 20/5/2024

Abstract: Music Education has a great impact on the process of personality formation for young children, especially at the elementary level. The educational environment is a place where families join hands to help children learn, practice, accumulate knowledge, and improve their own abilities. These things show results in the child's later stage of maturity and dedication. Managing music teaching in primary schools to meet the requirements of the 2018 General Education Program is influenced by factors, the article mentions those impacts.

Keywords: Education Management, teaching management, music teaching management, music teaching in elementary schools, general education program 2018

1. Đặt vấn đề

Trong nhà trường tiểu học, Âm nhạc (AN) được ví như bộ môn đạo đức thứ hai. Với mỗi bài hát học sinh (HS) được học đều là một bài học đáng quý giúp hình thành ở các em tư tưởng đạo đức, lối sống lành mạnh. AN là phương tiện truyền tải thông điệp đạo đức một cách dễ dàng và có sức lan tỏa rộng rãi bởi những giai điệu trầm bổng dễ đi vào lòng người, tạo dựng sự đồng cảm sâu sắc. Đối với HS, giáo dục tình cảm đạo đức thông qua AN giúp HS ghi nhớ tốt hơn, đặc biệt là khi HS được tham gia hoạt động biểu diễn AN. Hoạt động quản lý dạy học AN ở các trường tiểu học chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố. Việc nắm bắt được những ưu và nhược điểm của các yếu tố ảnh hưởng sẽ giúp các nhà quản lý có được những giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy học AN ở tiểu học đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

**Quản lý:*

Quản lý một tổ chức/ hệ thống là tổ hợp các tác động chuyên biệt, có tính chủ đích của chủ thể quản lý lên khách thể quản lý và đối tượng quản lý nhằm phát huy tiềm năng của các yếu tố, các mối quan hệ chức năng, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và cơ hội của tổ chức/hệ thống nhằm đảm bảo cho tổ chức/ hệ thống vận hành tốt, đạt được các mục tiêu đã đặt ra với chất lượng và hiệu quả tối ưu trong các điều

kiện biến động của môi trường.

**Quản lý giáo dục:*

Quản lý giáo dục là sự tác động có chủ đích, có căn cứ khoa học, hợp quy luật và phù hợp các điều kiện khách quan... của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm phát huy sức mạnh các nguồn giáo dục, từ đó đảm bảo các hoạt động của tổ chức/ hệ thống giáo dục đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra với chất lượng, hiệu quả cao nhất.

**Quản lý dạy học:*

Quản lý dạy học là hệ thống những tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong nhà trường, nhằm khai thác và tận dụng tốt nhất năng lực và các điều kiện, làm cho hoạt động dạy học trong nhà trường hướng tới việc đạt mục tiêu GD.

**Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*

Chương trình GDPT hướng tới việc hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động GD: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động GD nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù, chương trình GDPT còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng những năng lực đặc biệt (năng khiếu) của HS. Yêu cầu cần đạt (kết quả mà HS cần đạt được) về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, năng lực đặc thù sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học, hoạt động GD được quy định tại Chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động GD; trong đó, mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu riêng cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.

Dạy học AN ở các trường tiểu học đáp ứng Chương trình GDPT 2018

Việc “coi trọng đúng mức giáo dục thẩm mỹ, giáo dục AN” là mặt giáo dục đến nay đang còn yếu và thiếu, đòi hỏi chúng ta hơn lúc nào hết là phải đặt mạnh vấn đề không chỉ là triển khai rộng khắp mà là tổ chức học tập AN một cách có kết quả ở trường phổ thông, làm cho AN đích thực đi vào các em, làm cho các em yêu thích, và hơn nữa, còn tham gia tích cực vào việc sáng tạo nên những cái hay, cái đẹp trong AN, bằng AN và qua AN.

Các yếu tố ảnh hưởng

**Sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý giáo dục*

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình GDPT mới bao gồm chương trình tổng thể và 27 chương trình môn học, hoạt động GD của cấp Tiểu học, THCS và THPT. Chương trình GDPT được thực hiện theo lộ trình, bắt đầu từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1 và sẽ thực hiện ở tất cả các lớp từ năm học 2024-2025. Quan điểm chỉ đạo của chương trình GDPT mới là phát huy phẩm chất và năng lực của người học, do đó giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện của mỗi nhà trường. Bài viết nhằm mục đích giúp GV nâng cao sự hiểu biết chung nhất về Chương trình GDPT mới, bao gồm chương trình tổng thể, các chương trình môn học và quy trình xây dựng chương trình nhà trường.

**Năng lực quản lý của hiệu trưởng*

Một trong những yếu tố tác động đến chất lượng GD của nhà trường tiểu học mà hiện nay chúng ta chưa thật sự quan tâm đó là sự phát triển toàn diện của HS. Ở cấp tiểu học, AN lâu nay vẫn đang bị “coi là môn học phụ” trong suy nghĩ không chỉ của GV, của HS mà ngay cả trong suy nghĩ của các nhà quản

lý. Những năm gần đây một số nhà trường cũng đã quan tâm hơn đến các hoạt động, các phong trào Văn - Thể - Mỹ cho HS nhưng chưa thật sự chủ động, sáng tạo, chưa đánh giá hiệu quả của nó đem lại trong quá trình GD. Song xét đến cùng những nhược điểm đó lại do công tác chỉ đạo của lãnh đạo, các nhà quản lý tại cấp trường chi phối rất nhiều. Điều dễ nhận thấy, đội ngũ quản lý trong trường tiểu học hiện nay có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao trong công việc nhưng lý thuyết, cách tiếp cận, quan điểm hay mô hình PP tổ chức của các môn đặc thù chưa thực sự được nhà trường quan tâm nên chưa tạo được sự thay đổi trong suy nghĩ và hành động của GV và HS.

Trở ngại lớn nhất đối với các nhà quản lý đó là chưa thực sự nắm bắt được chuyên môn AN, chưa hiểu đặc thù riêng của môn học nên vẫn có cách nhìn nhận, cách quản lý chung chung như một số môn học khác ở tiểu học, từ đó khiến bộ môn AN chưa thực sự phát huy được tầm quan trọng của nó, đồng thời tạo ra thói quen coi đó là “môn phụ” và được đánh giá thấp hơn các môn học cơ bản. Thực tế đã chứng minh sự cần thiết phải có những nghiên cứu nghiêm túc về nó để làm tốt hoạt động này và trong đó quản lý của người hiệu trưởng có vai trò rất lớn. Xây dựng kế hoạch năm học còn chủ yếu dựa vào kế hoạch của cấp trên, chưa tự hoạch định những kế hoạch riêng cho trường mình. Việc chú ý đến kế hoạch của tổ, cá nhân nhiều khi còn coi nhẹ, chưa thực sự chuyên sâu.

- Công tác quản lý chủ yếu làm theo kinh nghiệm, năng lực quản lý còn nhiều bất cập; quản lý chỉ đạo chưa chặt chẽ, đồng bộ, chưa hiệu quả. Đặc biệt là công tác chỉ đạo dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học chưa được quan tâm đúng mức.

2.2. Đặc thù về nội dung, chương trình, PP, hình thức thực hiện kiểm tra, đánh giá AN

“AN có rất nhiều những phân môn nhỏ như: Hát, nghe nhạc, đọc nhạc, nhạc cụ, thường thức AN. Mỗi phân môn có một vai trò nhất định, trong đó phân môn học hát được các em tiếp nhận một cách hết sức nhiệt tình, tự nhiên bởi tính đặc thù của phân môn này phù hợp với sở thích, tâm lý lứa tuổi... của các em.

Với phân môn học hát: Hát có vị trí quan trọng trong đời sống con người, bài hát phản ánh một cách hình tượng những khái niệm sâu sắc về cuộc sống, thiên nhiên, con người và tất cả các mối quan hệ, tư

trường, tình cảm. Hoạt động ca hát ảnh hưởng trực tiếp đến con người bằng tác động của AN và lời ca. Giọng hát không chỉ là phương tiện thể hiện cảm xúc suy nghĩ của người hát mà còn khơi dậy ở người nghe những xúc động tương ứng. Những hiểu biết nhất định đem lại sáng khoái thẩm mỹ, sức diễn cảm của giọng hát cùng những cử chỉ, thái độ, nét mặt phù hợp rất thu hút HS, nó khơi dậy ở HS những cảm xúc hướng tới Chân, Thiện, Mỹ.

Ca hát là một hoạt động quan trọng, bản chất của nó là thông qua luyện tập giúp HS có tinh thần sáng khoái và tạo cho HS có những ước mơ tươi đẹp. Vì vậy môn học này thực sự tạo hứng thú học tập cho HS. Trong chương trình dạy ở phân môn Học hát bậc tiểu học, việc giúp các em nắm được các kỹ năng hát thực sự còn có những điểm hạn chế, chưa đi sâu vào việc biểu diễn, thể hiện nội dung tác phẩm... Hầu hết các em chỉ hát theo cảm tính, phản xạ tự nhiên là thuộc lời ca và giai điệu của bài hát. Nhiều em hát còn không rõ lời, nhiều tiếng địa phương... Song trong thực tế để thể hiện thành công được một bài hát hay chúng ta cần rất nhiều yếu tố như: Tư thế hát, đứng, biết cách luyện tập hơi thở, luyện giọng, tập hát rõ lời, và tập các kỹ thuật hát.

PP hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì. Bài học trở thành quá trình học hỏi lẫn nhau chứ không phải là sự tiếp nhận thụ động từ GV.

Quản lý chất lượng thông qua việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học:

“Đánh giá không đơn thuần là sự ghi nhận kết quả của thực trạng mà còn đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng. Vì thế, đánh giá được xem là một khâu quan trọng phải được quan tâm ngay từ khi xây dựng kế hoạch và trong suốt thời gian triển khai công việc, chứ không phải chỉ tiến hành khi công việc đã hoàn thành, đã kết thúc. Theo hướng dạy học “lấy HS làm trung tâm”, người GV không những phải biết đánh giá chính xác kết quả dạy và học mà còn phải có kỹ năng phát triển khả năng tự đánh giá của HS, để HS chủ động điều chỉnh cách học, cách tự hoàn thiện bản thân.

2.3. Điều kiện cơ sở vật chất

Điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho

hoạt động dạy học AN cũng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động GD phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ. Trường có điều kiện CSVC tốt thì công tác GD, dạy học AN sẽ thuận lợi hơn, dễ dàng đảm bảo mọi hoạt động.

3. Kết luận

Muốn đổi mới hoạt động dạy học nói chung và quản lý hoạt động dạy học AN ở các trường tiểu học để đáp ứng Chương trình GDPT 2018 cần phải có những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Nâng cao hiệu quả quản lý dạy học AN ở đáp ứng Chương trình GDPT 2018 là một nội dung quan trọng trong quản lý dạy học ở trường tiểu học. Quản lý dạy học AN theo hướng phát triển năng lực cùng với việc đổi mới dạy học các môn học khác có vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện GD hiện nay

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29/NQ-TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam*, ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2013. Hà Nội
2. Đặng Quốc Bảo (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý*, NXB Thống kê. Hà Nội
3. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quang Kính, Phạm Đỗ Nhật Tiến (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực quản lý nhà trường*, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội
4. Đặng Quốc Bảo (1995), *Quản lý giáo dục - một số khái niệm và luận đề*, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục & Đào tạo. Hà Nội
5. Quốc hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH 13 Nghị quyết về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*. Hà Nội
6. Lê Anh Tuấn (2019) “*Phương pháp dạy học môn Âm nhạc lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*”, Viện Khoa học Giáo dục VN. Hà Nội
7. Hàn Ngọc Bích, Lê Minh Châu, Hoàng Lân, Nguyễn Hoàng Thăng (2006), *Tập bài hát Lớp 1*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
8. Hoàng Long - Hoàng Lân, Lê Đức Sang, Nguyễn Hoàng Thăng (2006). *Tập bài hát Lớp 3*. NXB Giáo dục Hà Nội.
9. Vũ Diệu Linh (2020), *Nâng cao chất lượng giảng dạy Thanh nhạc giai đoạn đầu*. Luận văn Cao học. Hà Nội.